

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HÀ ĐÔNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **104/2021/HS-ST**

Ngày: 20/5/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thoa**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Quốc Hải, nguyên Giảng
viên trường Học viện An ninh Nhân
dân

Ông Trịnh Văn Trôi

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung -Thư ký Tòa án nhân dân
quận Hà Đông

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên tòa: Bà
Chu Thị Quỳnh - Kiểm sát viên

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông xét
xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 79/2021/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm
2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5
năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn C, (Tên khác: Không), giới tính: nam; Sinh năm
1989; HKTT: Thôn T, xã L, huyện UH, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân
tộc: Kinh; Tôn giáo, đảng phái: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn
hóa: 8/12; con ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1956 và bà Vũ Thị T, sinh năm 1960;
Gia đình có 04 anh em ruột, bị cáo là thứ tư; Vợ: Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1990; Có
02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Danh, chỉ
bản số 58 lập ngày 01/01/2021 lập tại Công an quận Hà Đông.

Nhân thân: - Bản án hình sự sơ thẩm số 93/HSST ngày 12/5/2010 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố HN xử phạt 15 tháng tù cho hưởng án treo về tội Giao cấu với trẻ em, hạn thử thách 27 tháng 18 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2020. Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 -Công an thành phố Hà Nội.

2. Họ và tên: Trần Văn H, (Tên khác: Không), giới tính: nam, Sinh năm 1994; HKTT: Thôn L, xã YM, huyện YY, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo, đảng phái: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Bố đẻ: Không xác định; Mẹ đẻ: Trần Thị T, sinh năm 1954 (đã chết); Vợ: Trần Thị X, sinh năm 1997; có 02 con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: không; Danh, chỉ bản số 61 lập ngày 01/01/2021 lập tại Công an quận Hà Đông.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/12/2020 và hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 Công an thành phố Hà Nội.

3. Họ và tên: Nguyễn Thị N, (Tên khác: Không), giới tính: nữ, Sinh ngày 05/02/2003 (khi phạm tội 17 tuổi 10 tháng 18 ngày); HKTT: Thôn ĐG, xã ĐL, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo, đảng phái: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972 và bà Trương Thị N, sinh năm 1978; Gia đình có 02 chị em ruột, bị cáo là thứ hai; Chồng, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: không; Danh, chỉ bản số 57 lập ngày 01/01/2021 tại Công an quận Hà Đông.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/12/2020 đến ngày 01/01/2021. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Nguyễn Thị N: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972; HKTT: Thôn ĐG, xã ĐL, huyện BT, tỉnh Thanh Hóa; *(có mặt tại phiên tòa).*

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Kim Dung - Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước thành phố Hà Nội, *(có mặt tại phiên tòa).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn C, sinh năm 1989; trú tại: Thôn T, xã L, huyện UH, thành phố HN; **Trần Văn H**, sinh năm 1994; trú tại: Thôn L, xã YM, huyện YY, tỉnh Nam Định là đối tượng sử dụng và nghiện ma túy.

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 23/12/2020, Nguyễn Văn C và Trần Văn H đi ăn cơm tối cùng nhau, sau khi ăn xong H điều khiển chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu trắng đen bạc, BKS 22B2- 33302 chở C ngồi phía sau, trên đường đi C rủ H góp tiền đi mua ma túy và thuê nhà nghỉ để cùng sử dụng, hết bao nhiêu tiền H và C mỗi người $\frac{1}{2}$, H đồng ý. C gọi điện thoại từ số điện thoại 0963.344.XXX đến số điện thoại 349.342.376 của T (C khai T là bạn quen biết, C không biết nhân thân, lai lịch, địa chỉ của T) hỏi mua của T 03 viên ma túy dạng kẹo và $\frac{1}{2}$ chỉ ma túy loại Ketamine, T đồng ý và hẹn C ở khu vực gần quán Karaoke TS thuộc tổ dân phố TB, phường DN, quận HĐ. Sau đó, H điều khiển chiếc xe máy chở C đến nhà nghỉ DH thuộc tổ dân phố Quyết Tiến, phường Dương Nội, quận Hà Đông do ông Trần Văn Q- sinh năm 1977 làm quản lý để thuê phòng nghỉ. Tại đây, H thuê phòng 304, C gọi điện thoại từ số 0963.344.XXX đến số điện thoại 0368959XXX của Nguyễn Thị N sinh ngày 05/02/2003, trú tại: thôn ĐL, huyện BT, tỉnh TH và gọi đến số điện thoại 085289XXXX của Hoàng Thanh H2, sinh năm 1994, trú tại: xã XK, huyện ST, TP.Hà Nội còn H gọi điện thoại từ số điện thoại 0878010XXX đến số điện thoại 0335514XXX của Lữ Thị H3, sinh năm 2001, trú tại: xã LM, huyện TD, tỉnh NA và đến số điện thoại 0345500XXX của Bàn Thị Q, sinh năm 2005, trú tại: xã PL, huyện LY, tỉnh YB đều là bạn đến nhà nghỉ để cùng nhau sử dụng ma túy. Khi H2, N, H3, Q lên phòng 304 của nhà nghỉ DH, C một mình đi taxi của người không quen biết đến gần quán karaoke TS thuộc tổ dân phố TB, phường DN, quận HĐ gặp T để lấy ma túy như đã hẹn. T đưa cho C 01(một) gói giấy bên trong có 03(ba) viên ma túy dạng “kẹo” và 01 (một) túi ni-lon bên trong chứa tinh thể màu trắng là ma túy loại Ketamine, với số tiền C phải trả cho T là 3.000.000 đồng, nhưng do C chưa có tiền trả ngay nên C nợ T số tiền mua ma túy này.

Sau khi mua được ma túy, C quay lại nhà nghỉ thì gặp người quen, sợ bị phát hiện nên C gọi điện thoại cho H2 để nói chuyện với H (do điện thoại của H hết pin), qua điện thoại C bảo H mang khẩu trang xuống cho C. H đi ra ngoài hành lang thì gặp N xuống thuê thêm phòng 302 nên H bảo N mang khẩu trang xuống cho C. Gặp N, C gọi điện thoại vào máy của H2 để gặp H, C nói với H “anh đưa đồ cho N cầm lên nhé”, H đồng ý. C đưa cho N 01 (một) gói giấy bên trong chứa ma túy tổng hợp và bảo N “mang đồ lên cho H”. N biết “đồ” ở đây là ma túy tổng hợp và N đồng ý cầm lên đưa cho H, còn C lên xe taxi bỏ đi chơi. Sau khi nhận gói ma túy của C đưa, N đi lên phòng 304 của nhà nghỉ để gói ma túy C đưa trên giường bên cạnh H và nói “anh C đưa đồ”. Lúc này, gói giấy bung ra bên trong có 03 (ba) viên ma túy dạng “kẹo” và 01(một) túi ni-lon ma túy Ketamine. Thấy vậy, H2 bảo H đưa cho H2 01(một) viên ma túy “kẹo”, H2 cầm viên ma túy bẻ $\frac{1}{2}$ viên đưa cho Q rồi cùng nhau sử dụng hết, H lấy 01(một) viên ma túy định sử dụng chung với H3 nhưng H3 không dùng nên H đã ném 01(một) viên ma túy này vào bồn cầu xả nước bỏ đi, còn lại 01(một) viên ma túy và 01(một) gói ma túy Ketamine H bỏ vào trong vỏ bao thuốc lá 555 để trên giường trong phòng 304, rồi H cùng H3 xuống phòng 302 nhà nghỉ.

Đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, khi N, H2, Q đang ở phòng 304 nhà nghỉ DH thì bị lực lượng tổ công tác Công an phường Dương Nội phối hợp với đội CSĐT tội phạm về ma túy Công an quận Hà Đông kiểm tra, phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Cùng ngày 24/12/2021, Nguyễn Văn C và Trần Văn H đã đến Công an phường Dương Nội, quận Hà đông xin đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

- *Vật chứng thu giữ*: 01 (một) vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu “555” màu xanh bên trong có 01 túi nilon màu trắng kích thước (2,5x2,5) cm bên trong chứa tinh thể màu trắng và 01(một) viên màu xám, đều nghi là ma túy;

Nguyễn Văn C tự nguyện giao nộp 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh, số thuê bao 0963.344.XXX, đã qua sử dụng, là phương tiện C sử dụng để liên lạc mua ma túy của T;

Trần Văn H tự nguyện giao nộp 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xám, số thuê bao 0878010XXX và 01 (một) chiếc xe máy nhãn hiệu

Honda Wave, sơn màu trắng đen bạc, BKS 22B2- 33XXX, số máy 0828686, số khung 848548 đã qua sử dụng của là phương tiện H sử dụng để liên liên lạc với C, H3 và Q;

Thu của Nguyễn Thị N 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu hồng, số thuê bao 0368959XXX, đã qua sử dụng, là phương tiện để N liên lạc với C.

Cơ quan điều tra đã quyết định trưng cầu giám định số 56 đối với 01 (một) túi nilon, kích thước (2,5x 2,5)cm, bên trong có chứa tinh thể màu trắng và 01 (một) viên nén màu xám được niêm phong đã thu giữ của Hoàng Thanh H2, Bàn Thị Q, Nguyễn Thị N nêu trên. Tại bản Kết luận giám định số 11318/KLGĐ-PC09 ngày 31/12/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hà Nội, kết luận: *“Tinh thể màu trắng bên trong 01 túi nilon là ma túy loại Ketamine, khối lượng 0,658 gam và 01 viên nén màu xám là ma túy loại MDMA, khối lượng 0,427 gam”*.

Tại Cáo trạng số 81/CT-VKS-HĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông truy tố Nguyễn Văn C, Trần Văn H và Nguyễn Thị N về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông duy trì quyền công tố: Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; Điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 21-24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2020.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 15-18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/12/2020.

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự; Điều 90, 91, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 101 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N từ 9-12 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 24/12/2020 đến ngày 01/01/2021.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về tang vật của vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong dán kín, các mép dán ngoài có chữ ký của Hoàng Thanh H2, Nguyễn Thị N, Bàn Thị Q, cán bộ Công an phường Dương Nội; 01 vỏ bao thuốc lá “555” màu xanh.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh, số thuê bao 0963.344.XXX thu giữ của Nguyễn Văn C; 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xám, số thuê bao 0878010XXX thu giữ của Trần Văn H; 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu hồng, số thuê bao 0368959XXX thu giữ của Nguyễn Thị N do sử dụng vào việc phạm tội.

- Người bào chữa cho bị cáo N: bà Nguyễn Thị Kim Dung - Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước thành phố Hà Nội có quan điểm: Nhất trí với Viện kiểm sát về Tội danh và hành vi của các bị cáo N. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân, điều kiện bị cáo phạm tội. Thời điểm phạm tội bị cáo N chưa đủ 18 tuổi. Nguyên nhân phạm tội do thiếu hiểu biết, bị cáo sống xa nhà, tuổi đời còn trẻ, không được sự giám sát, giáo dục của gia đình nên phạm tội có tính bột phát, bị lôi kéo theo bạn bè, bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có ông ngoại là người có công với cách mạng. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 90, 91, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 101 Bộ luật hình sự cho bị cáo mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội, trở thành công dân tốt.

- Người đại diện theo pháp luật của bị cáo N: Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N.

Lời nói sau cùng, các bị cáo ăn năn hối cải, đề nghị HĐXX xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hà Đông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng

khác, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi hoặc quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và định khung hình phạt: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai người làm chứng, phù hợp biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở kết luận: Là các đối tượng sử dụng và nghiện ma túy nên vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 23/12/2020, Nguyễn Văn C và Trần Văn H đã rủ nhau cùng góp tiền mua ma túy để và thuê nhà nghỉ để cùng sử dụng. C là người gọi điện cho T (không rõ nhân thân, lai lịch) để mua ma túy kẹo và ketamine, còn H thuê phòng 304 nhà nghỉ Duy Hoàng, thuộc tổ dân phố Quyết Tiến, phường Dương Nội, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội để sử dụng ma túy. Sau đó Nguyễn Văn C đã gọi điện cho Nguyễn Thị N đến chơi cùng. Khi C đi mua ma túy về đến nhà nghỉ do gặp người quen nên không lên nhà nghỉ ngay mà gọi H cầm khẩu trang xuống cho C. H bảo N mang khẩu trang xuống cho C. Khi N xuống gặp C, C gọi cho H nói “anh đưa đồ cho N cầm lên nhé”, H đồng ý. C đưa cho N gói giấy bên trong chứa ma túy và bảo N “cầm đồ lên đưa cho H”. N biết “đồ” là ma túy nhưng đồng ý mang lên vì N cũng đã từng sử dụng ma túy. Như vậy, Nguyễn Văn C, Trần Văn H và Nguyễn Thị N đã có hành vi cất giấu trái phép 02 loại ma túy có tổng cộng khối lượng là 1,085 gam, gồm: 0,658 gam Ketamine và 0,427 gam MDMA để sử dụng thì bị lực lượng công an phát hiện, bắt quả tang cùng vật chứng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông truy tố các bị cáo về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất vụ án, hình phạt và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội gây mất trật tự tại địa phương, xâm phạm tới độc quyền quản lý biệt dược của Nhà nước. Ma túy là chất gây nghiện, nó làm ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe người sử dụng, nó hủy hoại nhân cách con người, và còn là nguyên nhân dẫn đến các hành vi vi phạm pháp luật; vì vậy pháp luật Nhà nước ta kiên quyết loại trừ ma túy ra khỏi đời sống xã hội, xử lý nghiêm khắc đối với tội phạm về ma túy. Các bị cáo đều đã đủ tuổi chịu trách nhiệm

hình sự về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết pH áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung.

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử có xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; Bị cáo C đã bị xét xử trong một vụ án hình sự khác, đã được xóa án tính nhưng thể hiện nhân thân xấu, đã được cải tạo, giáo dục nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân mà còn cố ý phạm tội nên phải chịu hình phạt cao hơn các bị cáo khác trong cùng vụ án, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là khai báo thành khẩn, đầu thú nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 BLHS; các bị cáo H và N nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm, tuy nhiên ở mức độ giản đơn, cùng góp tiền rủ nhau đi mua ma túy để cùng sử dụng. Bị cáo N khi phạm tội khi mới 17 tuổi 10 tháng 18 ngày, là người dân tộc khả năng nhận thức hành vi còn hạn chế do đó được áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự quy định về xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, được hưởng mức án nhẹ hơn mức án áp dụng đối với người đủ 18 tuổi trở lên phạm tội tương ứng theo quy định tại Điều 91 Bộ luật hình sự, nên giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo yên tâm cải tạo và phấn đấu thành công dân tốt cho xã hội.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo N về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo phù hợp quy định của pháp luật được chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án đã bàn giao cho Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông 01 phong bì niêm phong dán kín, các mép dán ngoài có chữ ký của Hoàng Thanh H2, Nguyễn Thị N, Bàn Thị Q, cán bộ Công an phường Dương Nội bên trong chứa ma túy và 01 vỏ bao thuốc lá “555” màu xanh dùng để cất giấu ma túy, là tang vật vụ án, đây là vật cấm lưu hành nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy; .

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh, số thuê bao 0963.344.XXX thu giữ của Nguyễn Văn C; 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xám, số thuê bao 0878010XXX thu giữ của Trần Văn H; 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu hồng, số thuê bao 0368959XXX thu giữ của Nguyễn Thị N là vật chứng của vụ án do các bị

cáo sử dụng vào việc phạm tội.

[6] Về nguồn gốc số ma túy đã thu giữ trong vụ án: Nguyễn Văn C khai mua của một đối tượng tên “T” (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ) tại khu vực gần quán Karaoke TS thuộc tổ dân phố TB, phường DN, quận HĐ. Quá trình điều tra, ngoài lời khai của Nguyễn Văn C, không có tài liệu chứng cứ khác nên Cơ quan điều tra chưa có cơ sở để điều tra làm rõ. Do đó, Cơ quan điều tra đã tách đối tượng bán ma túy khỏi vụ án để tiếp tục điều tra, xác minh; khi nào làm rõ xử lý sau.

[7] Đối với 01(một) xe máy nhãn hiệu Honda Wave, sơn màu trắng đen bạc BKS 22B2- 33XXX, số máy 0828686, số khung 848548, đã qua sử dụng, thu giữ của Trần Văn H. Kết quả điều tra xác định: chiếc xe được đăng ký chủ sở hữu mang tên chị Trần Thị H4, sinh năm 1978, trú tại: thôn Thống Nhất, xã Yên Phú, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Khoảng tháng 01/2019, chị H4 mua chiếc xe và đăng ký sử dụng làm phương tiện đi lại. Khoảng tháng 10/2020 chị H4 cho anh Trần Văn T2, sinh năm 2003 (là con trai chị H4) sử dụng. Đầu tháng 12/2020, anh T2 cho Nguyễn Đình Ng, sinh năm 1994, trú tại: YN, xã ĐQ, huyện QO, TP. Hà Nội (là bạn của T2) mượn. Ngày 23/12/2020, Ng cho Trần Văn H (là bạn của Ng) mượn, không biết việc H sử dụng xe vào việc phạm tội. Kết quả tra cứu: xe có số khung, số máy nguyên thủy, xe không nằm trong cơ sở dữ liệu vật chứng. Ngày 18/3/2021, Cơ quan điều tra đã trả chiếc xe cho chị H4, là có căn cứ đúng pháp luật.

[8] Đối với Hoàng Thanh H2, Bàn Thị Q đều là những người đến nhà nghỉ *DH* để cùng sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 01/01/2021, Công an quận Hà Đông đã ra quyết định xử phạt hành chính đối với Hoàng Thanh H2, Bàn Thị Q về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo khoản 1 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ là có căn cứ pháp luật. Lữ Thị H3 không sử dụng ma túy nên Cơ quan CSĐT giáo dục nhắc nhở là thỏa đáng.

[9] Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 45; 46; 136; 260; 268; 269; 299; 326; 327; 329; 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

1- Về tội danh:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Văn H, Nguyễn Thị N phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2- Điều luật áp dụng và hình phạt:

-Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Nguyễn Văn C 01 (một) năm, 10 (mười) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 24/12/2020.

-Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Trần Văn H 01(một) năm, 04 (bốn) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 24/12/2020.

-Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, Điều 101, Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt Nguyễn Thị N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị bắt tạm giữ 24/12/2020 đến 01/01/2021.

3- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy tang vật là số ma túy còn lại sau khi giám định, 01 vỏ bao thuốc lá nhãn hiệu “555” màu xanh được niêm phong trong 01 phong bì niêm phong dán kín, các mép dán ngoài có chữ ký của Hoàng Thanh H2, Nguyễn Thị N, Bàn Thị Q, cán bộ Công an phường Dương Nội: Trần Xuân Sơn và giám định viên Nguyễn Hoàng Hùng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xanh, số thuê bao 0963.344.XXX thu giữ của Nguyễn Văn C; 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu xám, số thuê bao 0878010XXX thu giữ của Trần Văn H; 01(một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màu hồng, số thuê bao 0368959XXX thu giữ của Nguyễn Thị N là vật chứng của vụ án do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 20 tháng 4 năm 2021 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hà Đông và Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông).

4- Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Công an, Viện kiểm sát nhân dân, Chi cục THADS quận Hà Đông;
- Trại tạm giam; Bị cáo;
- UBND phường (xã) nơi bị cáo cư trú;
- Lưu HS, VP.

Nguyễn Thị Thoa